

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2021

GIẤY MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Licogi 166

Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166 (mã LCS) trân trọng Thông báo và Kính mời Quý vị cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021.

I. THỜI GIAN:

- Từ 8h00 – 12h00, Thứ 6, ngày 25 tháng 6 năm 2021

II. ĐỊA ĐIỂM: Tầng 4, Tòa JSC34, Ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.

3. Báo cáo hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

4. Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt báo cáo kết quả HĐXSKD 2020, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2021 và phê duyệt báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021.

- Tờ trình thông qua báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ.

- Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020, kế hoạch cổ tức năm 2021.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2021.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ 8.

- Một số nội dung khác.

5. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

IV. ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu LCS theo Danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V928/2021-LCS/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 26/05/2021 hoặc những người được uỷ quyền tham dự họp lệ.

V. TÀI LIỆU ĐẠI HỘI:

- Các tài liệu liên quan được đăng tải trên website: www.licogi166.vn

VI. ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI:

- Khi tới tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo giấy mời cùng Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) để đăng ký tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

- Trường hợp không tự mình tham dự Đại hội, Quý vị Cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác theo Giấy uỷ quyền gửi kèm theo giấy mời. Trường hợp không tìm được người đại diện để tham dự đại hội, Quý Cổ đông có thể uỷ quyền cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị tại danh sách gửi kèm và gửi về Công ty bằng phong bì có trong thư mời.

Mọi thắc mắc liên quan tới Đại hội xin vui lòng liên hệ:

Phòng TCHC - Công ty Cổ phần Licogi 166, Tel: 024.22250718

Trân trọng thông báo và kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHI NGỌC ANH

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Thời gian: Từ 08h00-12h00 Thứ 6 ngày 25 tháng 06 năm 2021

Địa điểm: Tầng 4, Tòa JSC34, Ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân
Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
I. THỦ TỤC			
1	- Đón tiếp đại biểu, khách mời	8h00'	HDQT, Ban TGD
2	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	8h30'	Ban tổ chức
3	- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	8h35'	Ban tổ chức
4	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	8h45'	Ban kiểm tra tư cách cổ đông do HDQT phân công
5	- Giới thiệu chủ tọa, thông qua đoàn chủ tịch, tổ thư ký, Ban kiểm phiếu	9h00'	Ban Tổ chức
II. CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ			
6	Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội	9h05'	Chủ tọa Đại hội
7	Hội đồng Quản trị, Ban TGD trình bày báo cáo: - Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. - Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021. - Báo cáo của tiểu ban kiểm toán nội bộ. - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020	9h10'	Chủ tọa đại hội phân công

	<p>Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê duyệt báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2020, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2021 và phê duyệt báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021. - Tờ trình thông qua báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ. - Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020, kế hoạch cổ tức năm 2021. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2021. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ 8. 		Chủ tọa đại hội phân công
8		9h45'	
9	- Đại hội thảo luận	10h15'	
III. BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ			
10	- Biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 7 đến mục 9	10h45'	Chủ tọa Đại hội
11	Thông qua Quy chế bầu cử và Hướng dẫn bầu cử	10h50'	Chủ tọa Đại hội
12	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT	11h00'	
13	Đại hội nghỉ giải lao	11h10'	
14	Báo cáo kết quả kiểm phiếu	11h35'	Ban kiểm phiếu
IV. BẾ MẠC			

15	Thông qua Biên bản, nghị quyết Đại hội	11h50'	Thư ký
16	Tuyên bố bế mạc	12h00'	Chủ tọa Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHÍ NGỌC ANH



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Địa chỉ thường trú	Giấy CMTND	
				Số	Ngày cấp Nơi cấp
1	Phi Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	113/41B Trần Văn Đang - P11 - Quận 3 - TP.HCM	024613722	07/03/2007 TP.HCM
2	Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	030073000077	26/08/2014 Cục CS
3	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	P 1502 -A8 Bùi Ngọc Dương, Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	013327633	27/7/2010 Hà Nội
4	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	Số nhà 43B Trần Hữu Tước, Phường Nam đồng, Q.Đống Đa, Hà Nội	022173000003	30/11/12 Cục CS
5	Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	Số 2 B4b, Tập thể Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội	038074000132	20/03/2015 Hà Nội

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHI NGỌC ANH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Licogi 166

Tên tôi là:

CMND số: do CA Cấp ngày

Thường trú:

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần.

Bằng văn bản này ủy quyền cho:

Ông (Bà):

CMND/Hộ chiếu số: do CA cấp ngày

Thường trú:

Thay mặt tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Licogi 166 ngày 25 tháng 06 năm 2021.

Bởi vậy, Ông (Bà): được phép thay mặt tôi để:

1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Licogi 166 tổ chức ngày 25 tháng 06 năm 2021.
 2. Phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại cuộc họp.
 3. Biểu quyết các vấn đề được đưa ra trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 4. Và các công việc khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Thời hạn ủy quyền:* Từ ngày ký đến khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 kết thúc.

Người ủy quyền

Người được ủy quyền

Giấy tờ kèm theo giấy ủy quyền: Giấy mời họp ĐHĐCĐ; Bản sao công chứng CMT của người được ủy quyền.

Ghi chú: Quý vị cổ đông có thể gửi giấy ủy quyền này về Công ty bằng phong bì kèm theo thư mời hoặc gửi bản scan (định dạng PDF) theo địa chỉ Email: thuhuong@licogi166.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Hà Nội, tháng 06 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Thời gian: Từ 08h00-12h00 Thứ 6 ngày 25 tháng 06 năm 2021

Địa điểm: Tầng 4, Tòa JSC34, Ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
I. THỦ TỤC			
1	- Đón tiếp đại biểu, khách mời	8h00'	HDQT, Ban TGD
2	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	8h30'	Ban tổ chức
3	- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	8h35'	Ban tổ chức
4	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	8h45'	Ban kiểm tra tư cách cổ đông do HDQT phân công
5	- Giới thiệu chủ tọa, thông qua đoàn chủ tịch, tổ thư ký, Ban kiểm phiếu	9h00'	Ban Tổ chức
II. CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ			
6	Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội	9h05'	Chủ tọa Đại hội
7	Hội đồng Quản trị, Ban TGD trình bày báo cáo: - Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. - Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021. - Báo cáo của tiểu ban kiểm toán nội bộ. - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020	9h10'	Chủ tọa đại hội phân công

	<p>Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê duyệt báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2020, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2021 và phê duyệt báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021. - Tờ trình thông qua báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ. - Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020, kế hoạch cổ tức năm 2021. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2021. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT - Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ 8. 		Chủ tọa đại hội phân công
8		9h45'	
9	- Đại hội thảo luận	10h15'	
III. BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ			
10	- Biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 7 đến mục 9	10h45'	Chủ tọa Đại hội
11	Thông qua Quy chế bầu cử và Hướng dẫn bầu cử	10h50'	Chủ tọa Đại hội
12	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT	11h00'	
13	Đại hội nghỉ giải lao	11h10'	
14	Báo cáo kết quả kiểm phiếu	11h35'	Ban kiểm phiếu
IV. BẾ MẠC			

15	Thông qua Biên bản, nghị quyết Đại hội	11h50'	Thư ký
16	Tuyên bố bế mạc	12h00'	Chủ tọa Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHI NGỌC ANH

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CP LICOGI 166**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục tiêu:

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Licogi 166 (gọi tắt là Công ty).

Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp, tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương II

THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Thành phần tham gia Đại hội:

2.1. Đoàn chủ tịch gồm 03 người là ủy viên Hội đồng quản trị, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.

2.2. Ban thư ký Đại hội gồm 01 người.

2.3. Ban kiểm phiếu gồm 03 người.

2.4. Các thành phần trên được đề cử và do Đại hội biểu quyết thông qua.

2.5. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền tham dự Đại hội do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp theo Danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V928/2021-LCS/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 26/05/2021 và người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội.

2.6. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 người (do Hội đồng quản trị phân công).

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông.

3.1. Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được quyền tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

3.2. Khi tới tham dự Đại hội cổ đông, đại diện cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông,

(trường hợp được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Giấy ủy quyền (không được ủy quyền cho người thứ ba).

3.3. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.4. Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội.

4.1. Chủ tọa có trách nhiệm:

- Chủ trì và Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số.

- Chủ tọa trình bày chương trình, nội dung các tờ trình, dự thảo, trả lời hoặc chỉ định cán bộ chuyên môn trả lời chất vấn, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

4.2. Chủ tọa có quyền:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu Ban Tổ chức trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp.

Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

+ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

+ Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

+ Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký.

5.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội, các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

5.2. Soạn thảo và công bố Biên bản cuộc họp và dự thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

6.1. Hướng dẫn thủ tục biểu quyết theo Quy chế làm việc của Đại hội.

6.2. Tổng hợp và xác định kết quả biểu quyết và các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội.

6.3. Thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

6.4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.

6.5. Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Tổ chức thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội, lập Biên bản thẩm tra và công bố kết quả thẩm tra trước Đại hội.

Điều 8. Trật tự của Đại hội.

8.1. Cổ đông, đại diện cổ đông khi vào hội trường phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

8.2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chế độ chuông.

8.3. Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông, đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội:

9.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

9.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

9.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung làm việc của Đại hội.

10.1. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc báo cáo Đại hội:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT năm 2020 và mục tiêu hoạt động năm 2021.
- Báo cáo của Ban tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.
- Báo cáo hoạt động tiểu ban kiểm toán nội bộ năm 2020.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

10.2. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trình Đại hội phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 và báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2020, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2021.
- Tờ trình thông qua Báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ.
- Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020, kế hoạch cổ tức năm 2021.
- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2021.
- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.
- Tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty lần thứ 8.

10.3. Báo cáo kết quả kiểm phiếu.

10.4. Đại hội thông qua biên bản và Nghị quyết.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội.

- Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận, phải giơ tay đề nghị và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc thông qua phiếu đóng góp ý kiến. Nội dung phát biểu thảo luận của cổ đông phải ngắn gọn, đúng trọng tâm và trong phạm vi chương trình nội dung của Đại hội.

Điều 12. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội.

12.1. Nguyên tắc: Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Mỗi cổ đông sẽ được cấp một phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc được uỷ quyền, phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần biểu quyết và có đóng dấu treo của Công ty.

12.2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông hoặc người được cổ đông uỷ quyền biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội theo một trong hai hình thức sau:

Hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- + Thông qua Đoàn chủ tịch và Chủ tọa, Ban thư ký.
- + Thông qua Quy chế điều hành Đại hội và các Quy chế khác (nếu có).
- + Các nội dung của Hội đồng quản trị trình Đại hội.
- + Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

12.3. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 12.2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không ý kiến. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ

biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

12.4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra

- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;

- Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;

Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội thì nội dung đó được coi là không hợp lệ.

12.5. Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

a. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

b. Các nội dung quy định tại điều 10 quy chế này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

c. Việc bầu cử thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

Điều 13. Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

13.1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào Biên bản, biên bản Đại hội phải được đọc để Đại hội biểu quyết thông qua.

13.2. Dự thảo Nghị quyết Đại hội: Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu, Ban thư ký tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết Đại hội được đọc và biểu quyết thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành.

14.1. Tất cả những vấn đề khác không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.

14.2. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua, kính
trình Đại hội xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội được thực hiện thành công
tốt đẹp và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHI NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH
NĂM 2021

Kính thưa quý vị Cổ đông!

Thưa toàn thể Đại hội!

Năm 2020 là năm diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Ngoài ra, xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn gia tăng, tỷ lệ lạm phát toàn cầu tăng cao hơn cùng kỳ năm ngoái.

Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”. Kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng, tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta vì tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Ngoài ra, Chính phủ tiếp tục ban hành các chính sách nhằm tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt là đầu tư cho các dự án lớn về hạ tầng giao thông, nhiều dự án lớn trong đó có các dự án sử dụng nguồn vốn từ xã hội hóa được triển khai, mở ra không ít cơ hội nhưng cũng đi kèm thách thức đối với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng giao thông như Licogi 166 chúng ta.

Không nằm ngoài khó khăn chung trong lĩnh vực kinh doanh của mình, năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Licogi 166 gặp nhiều khó khăn. Cụ thể, trong năm chúng ta đang triển khai thi công dự án Đê An Dương nhưng vướng mắc điều chỉnh thiết kế nên dự án bị chậm tiến độ. Bên cạnh đó, các dự án đã triển khai thi công từ các năm trước gặp khó khăn trong công tác thu hồi vốn. Từ đó, đã tạo nên áp lực tài chính lên quá trình hoạt động cũng như tạo nên sự xáo trộn nhất định lên bộ máy vận hành của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị Tôi xin phép trình bày trước toàn thể Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2020, và phương hướng hoạt động năm 2021, như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

I. CƠ CẤU, NGHỊ QUYẾT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020.

1. Cơ cấu HĐQT, các cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị hiện nay gồm có 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên không tham gia điều hành.

- Trong năm 2020 HĐQT đã họp 5 lần và 5 lần cho ý kiến thông qua các vấn đề bằng văn bản với tỷ lệ 100% thành viên HĐQT tham gia.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phí Ngọc Anh	Chủ tịch	5	100%	
2	Ông Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	5	100%	
3	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	5	100%	
4	Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	5	100%	
5	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT	5	100%	

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành năm 2020:

a. Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- HĐQT đã thống nhất và thông qua 2 Nghị quyết và Quyết định liên quan đến thẩm quyền của HĐQT.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/2020/NQ-HĐQT	09/03/2020	- Thống nhất thời gian tổ chức và nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
2	14/2020/NQ-HĐQT	15/07/2020	- Phê duyệt bán thanh lý 03 thiết bị theo hình thức chào giá công khai với tổng giá trị thanh lý là 550.000.000 VNĐ

b. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
1	Sản xuất kinh doanh 2020		
	Sản lượng	200,614 tỷ VNĐ	58,98 tỷ VNĐ (đạt 29% kế hoạch)
	Doanh thu	200,907 tỷ VNĐ	79,029 tỷ VNĐ (đạt 39% kế hoạch)
	Lợi nhuận trước thuế	1 tỷ VNĐ	0,256 tỷ VNĐ (đạt 26% kế hoạch)
2	Tổng vốn đầu tư	0 tỷ VNĐ	0 tỷ VNĐ
3	Cổ tức năm 2020	Không chi trả cổ tức	Thực hiện đúng
4	Lựa chọn Công ty Kiểm toán	Lựa chọn Công ty Kiểm toán	Hoàn thành
5	Thù lao HĐQT	Thù lao HĐQT	Chưa chi trả

3. Phân tích các chỉ tiêu của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Chỉ tiêu 1: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Kết thúc năm tài chính 2020 sản lượng đạt mức 58,98 tỷ/200,614 tỷ VNĐ (đạt 29% kế hoạch) doanh thu của Công ty đạt mức 79,029/200,907 tỷ VNĐ đạt 39% trên tổng kế hoạch, mức lợi nhuận là 0,256/1,0 tỷ VNĐ (đạt 26% trên tổng kế hoạch).

- Chỉ tiêu 2: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua kế hoạch đầu tư năm 2020 với tổng mức đầu tư là 0 tỷ VNĐ. Do việc sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên không đầu tư tài sản mới.

- Chỉ tiêu 3: Không chi trả cổ tức thực hiện đúng

- Chỉ tiêu 4: Lựa chọn Công ty kiểm toán:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 1 trong các đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán được phép kiểm toán các Công ty đại chúng niêm yết theo quy định của UBCK NN. HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

- Chỉ tiêu 5: Thù lao HĐQT:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, như sau:

Stt	Đối tượng	Mức chi/tháng	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000 VNĐ	
2	Thành viên HĐQT	3.000.000 VNĐ	

Kết quả thực hiện: chưa chi trả

II. THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT:

TT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Phí Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	85.000	1,12%
3	Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	18.000	0,24%
4	Bà Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	38.900	0,51%
5	Ông Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Bà Hà Thị Huệ	Kế toán trưởng	87.900	1,16%

III. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020:

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Tổng giám đốc để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chỉ đạo thực hiện các quyết sách của HĐQT. Các hoạt động giám sát cụ thể của HĐQT trong năm qua, gồm có:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất, khai thác và tìm kiếm thị trường (đặc biệt là công tác xuất khẩu sản phẩm) cho mỏ đá Licogi 166 tại Hà Tĩnh.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức lại đội ngũ CBCNV Công ty theo chiều hướng tinh gọn, hiệu quả, trình độ chuyên môn cao, đồng thời ổn định tinh thần, tư tưởng cho CBCNV. Tổ chức lại bộ máy nhân sự của Công ty đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và triển khai thực hiện các dự án lớn trong tương lai.

- Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường cùng Ban Tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh hàng tháng, thảo luận một số chủ trương, quyết sách điều hành, kế hoạch kinh doanh cũng như hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của Ban Tổng giám đốc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2021:

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra rất phức tạp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng được dự đoán tiếp tục gặp khó khăn. Công ty CP Licogi 166 xác định năm 2021 là một năm khó khăn trong sản xuất kinh doanh của mình. Để kiên trì với định hướng chiến lược phát triển đã đề ra, lấy xây lắp là nòng cốt xương sống trong việc phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ tập trung thực hiện các công việc hoạch định chiến lược và thực hiện nhiệm vụ quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau: Tập trung cho 2 lĩnh vực trọng điểm, gồm thi công xây lắp là nòng cốt và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Đối với mảng thi công xây lắp:

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thi công xây lắp (Tài chính, Nhân sự, Năng lực thi công cơ giới và tối ưu các quy trình quản trị, điều hành) để ngày càng nâng cao năng lực tham gia các dự án có giá trị lớn.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công dự án Đê An Dương, phần đấu ký kết Hợp đồng Dự án Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Phía Đông Thành phố Buôn Ma Thuột và các dự án khác, giá trị hợp đồng các dự án này dự kiến khoảng 800 tỷ được triển khai trong giai đoạn 2021-2022.

- Đẩy nhanh việc thu hồi vốn đang tồn đọng tại các dự án Bắc Giang – Lạng Sơn, Thoát nước Long Biên, và các dự án đã hết thời gian bảo hành, quyết toán.

Đối với mảng kinh doanh vật liệu xây dựng:

- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tiêu thụ các loại đá phụ và cung cấp đá cho các dự án tại khu vực.

- Tiếp cận cung cấp đá cho các dự án lớn như: Nhiệt điện Quảng Trạch, tại Quảng Bình, Nhiệt điện Vũng Áng 2, các dự án thuộc cao tốc Bắc Nam.

Cùng với mục tiêu tập trung sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị cũng chú trọng đến việc giám sát, chỉ đạo ban điều hành vận hành hoạt động Công ty như sau:

1. Hội đồng Quản trị tăng cường giám sát nội bộ đối với hoạt động của Công ty, đánh giá nhận định các nguy cơ rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời có biện pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu các thiệt hại có thể xảy ra.

2. Tập trung chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ của Công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả, tuân thủ các quy định. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các Quy trình quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công khai minh bạch và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

3. Tăng cường chỉ đạo Ban TGD tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng: Tinh gọn, hiệu quả và có trình độ chuyên môn cao.

4. Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp và nâng cao vai trò của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

5. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc hoàn thiện công tác kế hoạch sử dụng vốn trong sản xuất, thực hiện tiết kiệm, minh bạch.

Kính thưa toàn thể đại hội !

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, và phương hướng nhiệm vụ trong năm 2021.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc rất mong nhận được những ý kiến đóng góp tích cực của Quý cổ đông, vì sự phát triển bền vững của Công ty và lợi ích của các Cổ đông.

Kính chúc Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp !

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHÍ NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020:

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Dịch Covid-19 tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân;

Trước những khó khăn chung của các Doanh nghiệp, năm 2020 là một năm rất khó khăn đối với LICOGI 166. Trong bối cảnh đặc biệt khó khăn này, mặc dù với sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo công ty, sự đoàn kết gắn bó của CBCNV, nỗ lực tìm kiếm các dự án mới, quyết tâm tìm kiếm đối tác nước ngoài để xuất khẩu đá nhưng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty đạt được ở mức thấp, các chỉ tiêu kinh tế quan trọng như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận không đạt được theo kế hoạch đề ra. Theo dự báo các công trình đã thi công các năm trước như: công trình Hạ long vân đồn, BOT Bắc giang lạng sơn đang trong quá trình quyết toán sẽ còn ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các năm tiếp theo khi được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt được như sau:

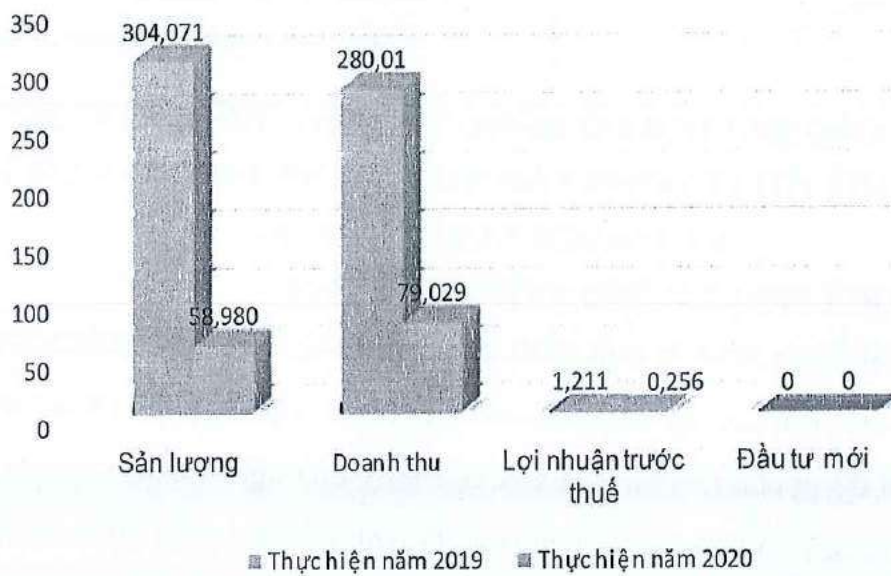
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

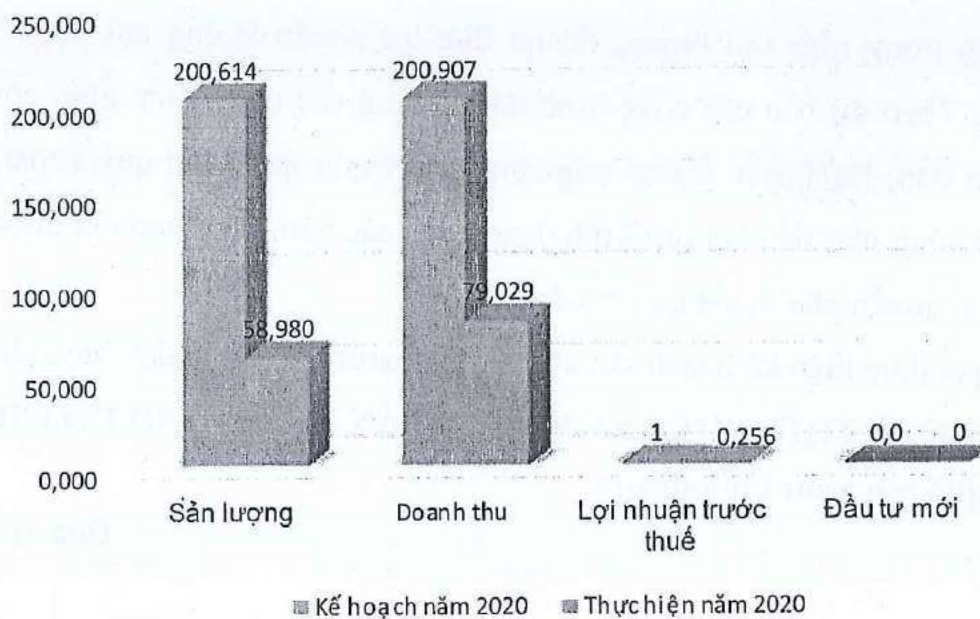
Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ th/kh (%)
1	Sản lượng	304,071	200,614	58,980	29%
2	Doanh thu	280,01	200,907	79,029	39%
3	Lợi nhuận trước thuế	1,211	1,0	0,256	26%
4	Đầu tư mới	0	0	0	0%

Đơn vị: Tỷ đồng



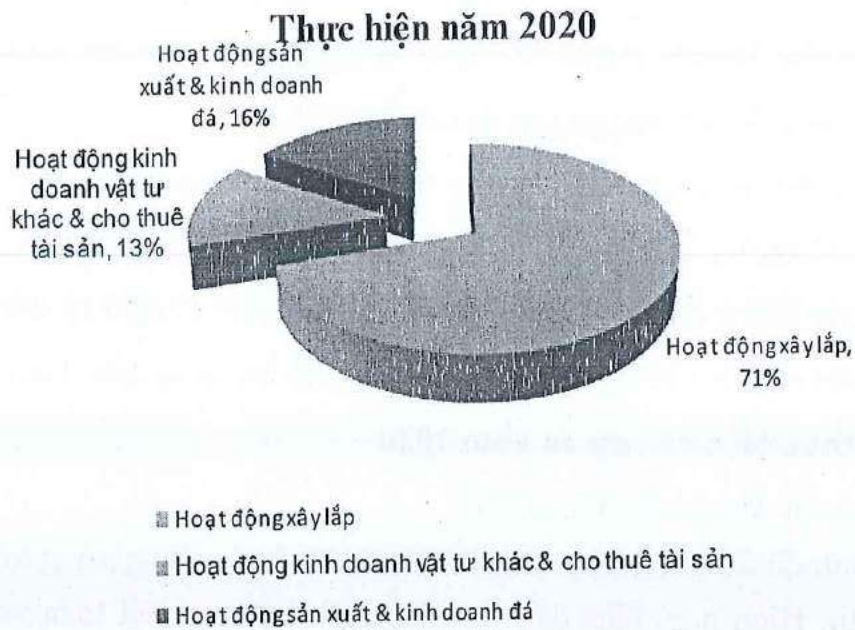
Đơn vị: Tỷ đồng



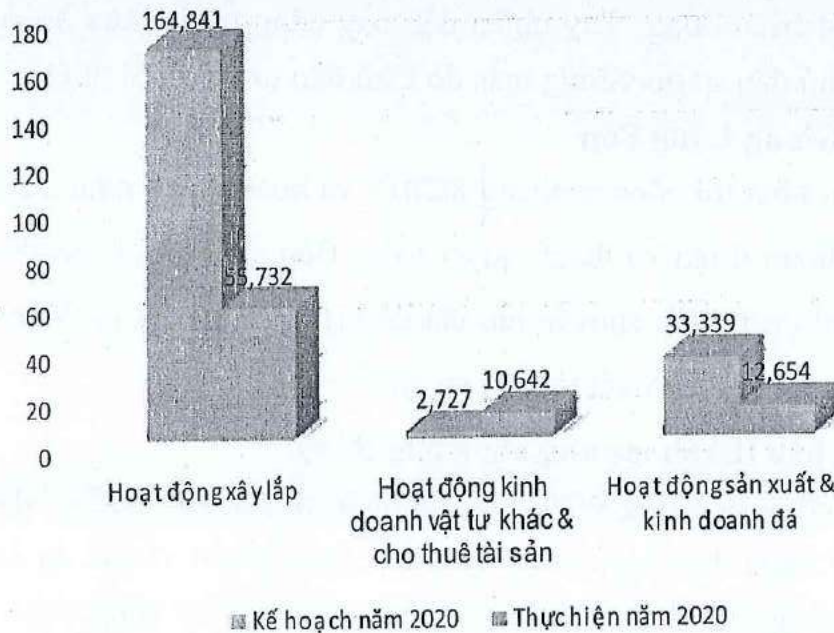
Cơ cấu doanh thu:

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ th/kh (%)	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động xây lắp	164,841	55,732	34%	71%
2	Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản	2,727	10,642	390%	13%

3	Hoạt động sản xuất & kinh doanh đá	33,339	12,654	38%	16%
---	------------------------------------	--------	--------	-----	-----



Đơn vị: Tỷ đồng



Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện sản lượng 58,98 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 29% so với kế hoạch đặt ra (200,614 tỷ).

Doanh thu năm 2020 đạt 79,029 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 39% kế hoạch đặt ra (200,907 tỷ).

Lợi nhuận trước thuế 0,256 tỷ đồng, đạt 26% kế hoạch đặt ra (1,0 tỷ). Nếu so với doanh thu, lợi nhuận chỉ đạt 0,32% trên doanh thu đạt được năm 2020.

Công tác đầu tư tài sản mới 0 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 0% so với kế hoạch đặt ra (0 tỷ).

- Xét về cơ cấu doanh thu trong năm 2020, tổng doanh thu đạt 39% theo kế hoạch đặt ra, trong đó:

Hoạt động xây lắp: Doanh thu là 55,732 tỷ đồng, đạt 34% so với kế hoạch (164,841 tỷ), chiếm tỷ trọng 71% trong cơ cấu doanh thu.

Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản: Doanh thu 10,642 tỷ đồng, đạt 390% so với kế hoạch (2,727 tỷ), chiếm tỷ trọng 13% trong cơ cấu doanh thu.

Hoạt động trong sản xuất và kinh doanh đá: Doanh thu 12,654 tỷ đồng, đạt 38% so với kế hoạch đặt ra (33,339 tỷ), chiếm tỷ trọng 16% trong cơ cấu doanh thu.

2. Tình hình thực hiện các dự án năm 2020

2.1. Dự án cao tốc Hạ Long Vân Đồn:

Công trình đã thi công hoàn thành năm 2019, hoàn thiện xong hồ sơ quyết toán với Nhà đầu tư. Hiện nay, Nhà đầu tư đang trình hồ sơ quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Dự án cống hộp Long Biên

Dự án triển khai thi công từ năm 2017 với tổng giá trị hợp đồng Gói BT-01, BT-02 là 154.994 triệu đồng. Tuy nhiên đến nay công trình chưa hoàn thành hồ sơ thanh toán với Chủ đầu tư do vướng mắc do Chủ đầu tư thay đổi thiết kế.

2.3. Dự án Bắc Giang Lạng Sơn

Dự án triển khai thi công từ tháng 8/2017 và hoàn thành năm 2019. Năm 2020 đi vào công tác hoàn thiện và thanh quyết toán. Bên cạnh đó, hoàn thiện các hồ sơ phát sinh thay đổi cự ly vận chuyển mỏ đất đắp (từ 7.1km lên 17.24km) Gói XL 20 trình các sở ban ngành phê duyệt làm cơ sở quyết toán.

2.4 Dự án Cống hóa thành mương kín Đồng Bông

Dự án thi công từ tháng 9/2019 và đã hoàn thành năm 2020. Nhưng công tác hồ sơ quyết toán chưa thực hiện được do điều chỉnh phạm vi của dự án có sự trùng lặp với dự án trường đua F1 nên UBND Thành phố Hà Nội đang thẩm định để điều chỉnh lại.

2.5. Dự án đê An Dương

Dự án triển khai thi công từ T12/2019, dự kiến hoàn thành T12/2021 với giá trị 105.270 trđ. Tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh COVID-19 nên công trình bị gián đoạn do dừng thi công theo chủ trương của Chủ đầu tư. Bên cạnh đó, phải dừng thi công đê trong mùa mưa lũ từ ngày 15/6/2020 đến 31/10/2020 theo quyết định của UBND Thành phố Hà Nội. Hiện nay, đoạn 3 từ Km1+400-km3+030

đang điều chỉnh thiết kế và trình các cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Giá trị khối lượng thực hiện đạt được đến nay 15 tỷ đồng, giá trị đã nghiệm thu 4, 478 tỷ đồng.

2.6. Dự án nhà máy Thủy điện Bản Chát

Dự án đã hoàn thành năm 2013 nhưng đến năm 2020 mới được chủ đầu tư quyết toán và thanh lý hợp đồng, doanh thu còn lại đạt 3,6 tỷ đồng.

2.7. Hoạt động sản xuất và kinh doanh đá:

Kinh doanh tại thị trường nội địa bị chậm do các dự án lớn chưa được triển khai trong năm 2020. Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên việc xuất khẩu đá sang thị trường Bangladesh và các thị trường khác chưa được thực hiện.

3. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Trong bối cảnh năm 2020 của Công ty gặp nhiều khó khăn, ngay từ đầu năm HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tìm kiếm việc làm và không ngừng tìm các giải pháp trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Mặc dù đã cố gắng nỗ lực bằng nhiều biện pháp nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 đạt được là rất thấp so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân của việc không hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm được kiểm điểm và chỉ ra như sau:

- Khó khăn do tình hình dịch bệnh COVID-19, và do ngân hàng siết chặt việc cho vay vốn đối với các dự án BOT nên dẫn đến nhiều dự án Công ty đang theo đuổi để được chỉ định thầu hoặc giao thầu chưa bố trí được vốn nên bị dừng hoặc giãn thời gian triển khai.

- Các dự án có giá trị khối lượng lớn như (Dự án Hạ Long Vân Đồn, Dự án Bắc Giang Lạng Sơn, Dự án Cống hóa Đồng Bông) đã kết thúc.

- Trong năm 2020, do Công ty chưa có việc làm nên chủ yếu là hoàn thiện các hồ sơ quyết toán công trình cũ đã thi công từ các năm trước chuyển sang như: Công trình Bắc Giang Lạng Sơn, Công trình Đồng Bông nên doanh thu đạt thấp, không có lợi nhuận để bù đắp chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí lãi vay.

- Một số công trình, dự án về xây lắp của Công ty nằm trong kế hoạch sẽ triển khai trong năm 2020 nhưng không thực hiện được như Công trình thi công đê An Dương ký hợp đồng từ tháng 12/2019 thời gian thi công 12 tháng. Tuy nhiên, đến tháng 4/2020 công trình mới được cấp phép thi công một đoạn, còn lại chưa được

cấp phép thi công do đang điều chỉnh thiết kế dẫn đến giá trị sản lượng và doanh thu của công trình chỉ đạt được 5% kế hoạch đề ra.

- Công tác xuất khẩu đá sang thị trường Bangladesh không thực hiện được theo kế hoạch do bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh COVID-19 và thuế nhập khẩu bên mua cao. Thị trường nội địa tiêu thụ chậm.

4. Công tác tổ chức nhân sự

Năm 2020 vừa qua, một mặt Công ty tiến hành sắp xếp lại cơ cấu nhân sự trong toàn Công ty để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nâng cao hiệu quả làm việc của từng cá nhân người lao động góp phần tiết giảm chi phí quản lý đến mức tối đa. Mặt khác vẫn đảm bảo duy trì đội ngũ cán bộ công nhân viên nòng cốt và tâm huyết để duy trì hoạt động công ty cũng như để triển khai các dự án mới.

5. Công tác thị trường

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề nên một số công trình Công ty đang tìm kiếm bị giãn tiến độ và thiếu vốn. Hơn nữa, về mặt tài chính gặp nhiều khó khăn nên năm 2020 Công ty không ký được hợp đồng mới. Bước sang năm 2021, với nhiều tín hiệu tích cực đối với các dự án mà Công ty đã tìm kiếm và theo đuổi đã ký hợp đồng nguyên tắc, đã tham gia đấu thầu hoặc đang theo đuổi như: Dự án Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với giá trị hợp đồng dự kiến ký được trong năm 2021 đạt khoảng 200 tỷ đồng, Dự án Nạo vét luồng tàu - hạng mục: cảng nhập than, đê chắn sóng - Nhiệt điện Quảng Trạch giá trị hợp đồng dự kiến đạt khoảng 200 tỷ đồng, các dự án khác giá trị hợp đồng đạt khoảng 400 tỷ đồng đem lại việc làm, doanh thu cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

6. Công tác tài chính

Năm 2020 tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn thiếu vốn phục vụ cho SXKD. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực tài chính của Công ty còn hạn chế, công tác nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư tại các dự án còn chậm dẫn đến khó khăn trong việc cân đối dòng tiền phục vụ cho các dự án.

- Các khoản vay ngắn hạn và trung hạn với các tổ chức tín dụng đồng loạt đến kỳ phải trả nợ. Nợ nhà cung cấp lũy kế từ năm trước lớn cộng với việc chưa nghiệm thu thanh toán được với Chủ đầu tư. Chính vì vậy, tại thời điểm đầu quý 3/2020 Công ty không đủ tài chính để trả các khoản vay đến hạn của ngân hàng dẫn đến quá hạn trả nợ vay các khoản vay với ngân hàng.

- Về hạn mức tín dụng: do các khoản nợ đến hạn của ngân hàng chưa trả được nên dẫn đến việc cấp hạn mức tín dụng năm 2020 bị gián đoạn và không thực hiện được. Việc này làm ảnh hưởng lớn đến dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện tại Ban lãnh đạo công ty đã làm việc với Ngân hàng BIDV và hồ sơ đang được trình trung ương để Ngân hàng tái cấp hạn mức năm 2021 -2022.

7. Chính sách với người lao động

Năm 2020 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh Ban lãnh đạo đã rất nỗ lực để duy trì các chế độ cho người lao động để duy trì bộ máy hoàn thiện các hồ sơ quyết toán của các dự án, triển khai thi công các dự án chuyển tiếp, tuy nhiên cũng có thời điểm còn chậm thanh toán lương cho người lao động.

8. Khó khăn vướng mắc

- Hiện nay công ty đang khó khăn, Ban lãnh đạo công ty đang rất nỗ lực để có các giải pháp từng bước khắc phục vấn đề này để đưa công ty ổn định và phát triển.

- Năm vừa qua không có công việc gói đầu, doanh thu thấp, lợi nhuận không đủ bù đắp chi phí. Khó khăn của những năm trước dồn lại, cộng với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến các dự án của công ty bị dừng, giãn kế hoạch triển khai.

- Về tài chính: dư nợ ngân hàng lớn, không có dòng tiền để chi trả các khoản nợ tới hạn của Ngân hàng, thiếu vốn phục vụ cho SXKD, nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực tài chính của Công ty còn hạn chế, công tác nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư tại các dự án còn chậm dẫn việc mất cân đối thu chi.

Mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã rất nỗ lực thanh quyết toán và thu hồi nợ từ các dự án để có nguồn trả nợ ngân hàng, các nhà cung cấp và người lao động. Tuy nhiên, các khoản vay ngắn hạn và trung hạn với các tổ chức tín dụng đồng loạt đến kỳ phải trả, hạn mức tín dụng kịch trần, nợ nhà cung cấp lũy kế từ năm trước lớn, cộng với việc chưa nghiệm thu thanh toán được với Chủ đầu tư dẫn đến tại thời điểm cuối năm 2020 công ty không đủ tài chính để trả các khoản vay đến hạn của ngân hàng, gây nên sức ép lớn lên tài chính toàn Công ty, làm ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh.

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020 là rất lớn với số tiền 232 tỷ, trong đó nợ các ngân hàng đã quá hạn với số tiền 93,40 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện nay nợ ngân hàng 90,041 tỷ đồng (Ngân hàng BIDV: 84,109 tỷ đồng; Ngân hàng Vietinbank: 4,923 tỷ đồng; Ngân hàng MB: 1,008 tỷ đồng), nợ phải trả nhà cung cấp 94,637 tỷ, nợ phải trả người lao động, nợ thuế, nợ cá nhân và phải trả khác 23,445 tỷ đồng.

- Mỏ đá Licogi 166 mặc dù đã được gia hạn giấy phép khai thác tháng 4 năm 2019 nhưng công tác xuất khẩu đá gặp khó khăn, máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hóc, công tác sản xuất tại mỏ chưa phát huy được hết năng lực của thiết bị nghiền sàng, các sản phẩm bị bế tắc trong khâu tiêu thụ nên sản xuất hoạt động cầm chừng để duy trì chờ thị trường khai thông trở lại, doanh thu chỉ bù đắp được chi phí trực tiếp còn các khoản chi phí sửa chữa lớn; khấu hao máy móc thiết bị; thuế tài nguyên; phí môi trường; phí cấp quyền; chi phí đã đầu tư không thu hồi được.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty trong việc cạnh tranh để tìm kiếm dự án mới, tìm kiếm đầu ra cho mỏ đá, cộng với dịch bệnh Covid-19 đang xảy ra trên toàn cầu sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cho tới hôm nay, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, toàn thể CBCNV, các dự án đang theo đuổi kỳ vọng sẽ được triển khai theo đúng kế hoạch. Đó là nguồn động lực để toàn thể CBCNV gắn bó, đồng hành cùng Ban lãnh đạo vượt qua các khó khăn và yên tâm trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Chính vì vậy, HĐQT đã họp và đề ra mục tiêu năm 2021, như sau:

a. Đối với dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn:

Tập trung hoàn thành công tác phê duyệt phát sinh Gói 20, lập thanh quyết toán trước tháng 11/2021 với doanh thu khoảng 5,48 tỷ đồng.

b. Đối với Dự án Đê An Dương:

- Tổ chức triển khai thi công giá trị thực hiện năm 2021 khoảng 37,7 tỷ đồng. Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán trong năm 2021 khoảng 25,08 tỷ đồng.

c. Các dự án tìm kiếm mới trong năm 2021:

- Dự án Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk đã được đấu thầu (khoảng 200 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2020 khoảng 41,6 tỷ);

- Dự án Thi công nạo vét luồng tàu - Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch (khoảng 200 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2021 khoảng 16 tỷ);

- Dự án hạ tầng kỹ thuật khu đất thuộc Bộ tư lệnh Hải Quân mở rộng (khoảng 200 tỷ, dự kiến thực hiện trong năm 2021 khoảng 16,6 tỷ).

d. Đối với Mỏ đá Licogi 166

- Tiếp tục sản xuất cung cấp đá các loại cho các khách hàng thân thiết tại khu vực. Tiếp cận để cung cấp đá cho các dự án lớn như: Nhiệt điện Quảng Trạch, Nhiệt điện Vũng Áng 2, cao tốc Bắc Nam.

- Củng cố lại máy móc thiết bị, nâng cao năng lực khai thác và sản xuất để đáp ứng xuất khẩu đá sang thị trường nước ngoài khi thị trường quay trở lại.

- Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản Mỏ đá Licogi 166.

g. Các nhiệm vụ khác

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn cho các dự án đã thực hiện quyết toán và hết thời gian bảo hành công trình.

- Có chính sách thu hút nhân sự có năng lực, có kinh nghiệm, đảm đương được các vị trí thích hợp khi các dự án bắt đầu triển khai.

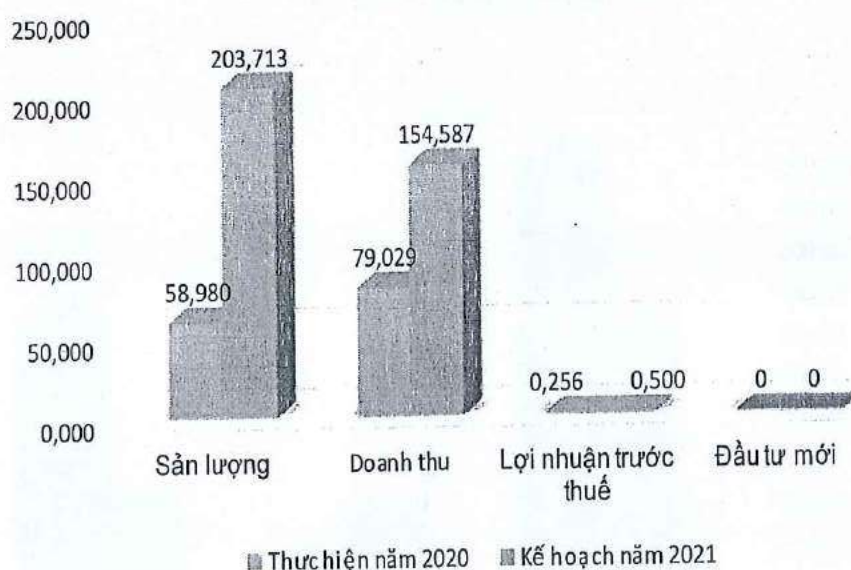
Cụ thể hóa các mục tiêu trên, Ban TGD báo cáo HĐQT, đệ trình ĐHĐCĐ thường niên bảng chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ Kh 2021/ Th 2020
1	Sản lượng	58,980	203,713	345%
2	Doanh thu	79,029	154,587	196%
3	Lợi nhuận trước thuế	0,256	0,500	195%
4	Đầu tư mới	0	0	0%
5	Vốn điều lệ	76,00	76,00	
6	Tỷ lệ cổ tức	0	0	

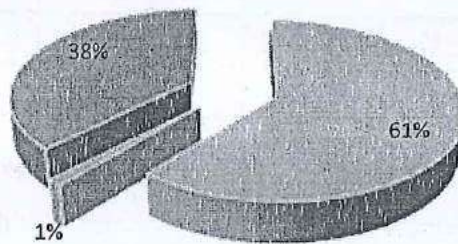
Đơn vị: Tỷ đồng



Kế hoạch cơ cấu doanh thu năm 2021

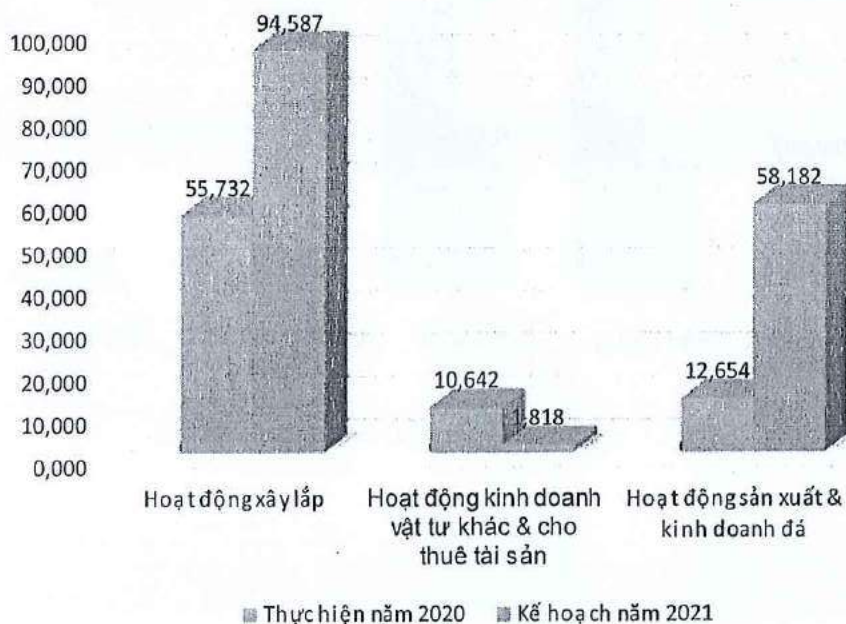
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ kh 2021/Th 2020(%)	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động xây lắp	55,732	94,587	170%	61%
2	Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản	10,642	1,818	17%	1%
3	Hoạt động sản xuất & kinh doanh đá	12,654	58,182	460%	38%

Cơ cấu kế hoạch doanh thu năm 2021



- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động kinh doanh vật tư khác & cho thuê tài sản
- Hoạt động sản xuất & kinh doanh đá

Đơn vị: Tỷ đồng



IV. KẾT LUẬN:

Năm 2020 vừa qua, Công ty đã từng bước vượt qua những khó khăn nhất định, tuy kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng đó là sự cố gắng rất lớn của toàn thể CBCNV, người lao động trong Công ty. Ban giám đốc luôn bám sát các chỉ đạo, chính sách của HĐQT. Với các dự án mới đang đấu thầu, đã ký hợp đồng nguyên tắc, các dự án đang theo đuổi trong thời gian tới đều có các tín hiệu tốt để Công ty triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các năm tới. Để làm được điều này, toàn thể CBCNV Công ty sẽ phải thật sự nỗ lực, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có để đạt được kết quả tốt hơn nữa, vượt mức kế hoạch đề ra.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Kính trình ĐHCĐ xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt Ban giám đốc, Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông của Công ty mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Công Hưng

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kính thưa quý vị Cổ đông!

Thưa toàn thể Đại hội!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được phân công trong HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tham mưu cho Hội đồng quản trị để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ đối với hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

1. Thành phần Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Bà Bùi Thị Nhân Huệ - Thành viên HĐQT: Trưởng tiểu ban
- Ông Nguyễn Anh Tú – Thành viên HĐQT: Thành viên

2. Kết quả hoạt động năm 2020 của Tiểu ban:

Trong năm 2020 Tiểu ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành hoạt động kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trong việc quản lý điều hành của Công ty cụ thể:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2020.

Xem xét tính phù hợp của các quyết định HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy định của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Tiểu ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, rà soát kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả các mặt hoạt động của công ty để có các kiến nghị, quyết định trong phạm vi thẩm quyền mình.

3. Đánh giá kết quả báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Tuy nhiên, trong tháng 03/2021, Công ty đã gặp sự cố mất dữ liệu về hệ thống phần mềm kế toán, do đó Công ty phải mất một thời gian bảo trì và cập nhật lại số liệu kế toán nên đã gây ra việc chậm trễ về thời gian lập và hoàn thiện số liệu để công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán và công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

Ban kiểm toán nhận thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và các chế độ chính sách tài chính áp dụng thể hiện trong báo cáo tài chính kế toán năm 2020 là phù hợp. Ban kiểm toán độc lập nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính quý, bán niên:

+ Báo cáo tài chính đáp ứng được các nội dung theo quy định.

+ Thời gian lập báo cáo tài chính quý, bán niên trong năm 2020 đúng quy định, kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị của Công ty và thông tin đến các Cổ Đông.

- Kết quả giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

+ Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý điều hành.

+ Các Biên bản và Nghị quyết HĐQT có đầy đủ ý kiến, chữ ký của các thành viên dự họp theo quy định.

+ Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định, tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty và quy định của Pháp luật.

+ Năm 2020 Ban kiểm toán nội bộ không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Mặc dù công ty gặp nhiều khó khăn, nhưng Ban Tổng giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, công việc được giao nêu trong Nghị quyết của Đại hội cổ đông và của HĐQT.

+ Tổng Giám đốc đã điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, ban hành các quyết định phục vụ quản lý điều hành.

+ Ngoại trừ các cán bộ đã nghỉ việc, các cán bộ quản lý khác của Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, công việc được giao, chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Kính thưa toàn thể đại hội!

Trên đây là báo cáo các nét chính về hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ trong năm 2020.

Kính chúc Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu TBKTĐL.



Bùi Thị Nhân Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Phí Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông: Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông: Lê Đình Đáp	Thành viên
Bà: Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiên,

P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

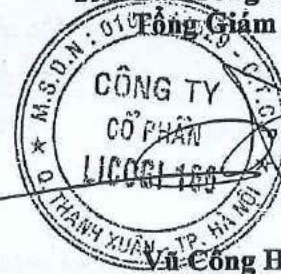
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 345 /BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 166**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 31/03/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

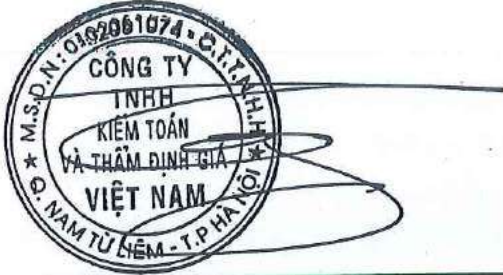
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN BẢO TRUNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNKT số: 0373-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2021

ĐỖ THỊ DUYỀN
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số: 3642-2021-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		268.037.085.113	248.175.313.871
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.242.151	3.461.219.065
1. Tiền	111		16.242.151	3.461.219.065
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	371.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	371.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.108.166.380	96.948.891.464
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	38.571.296.668	32.735.412.415
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	62.798.653.461	54.687.241.266
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	15.208.894.464	9.996.915.996
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(470.678.213)	(470.678.213)
IV. Hàng tồn kho	140		151.845.413.619	146.678.208.429
1. Hàng tồn kho	141	V.07	151.845.413.619	146.678.208.429
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		67.262.963	715.994.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	67.262.963	205.553.059
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	510.441.854
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.301.276.669	59.630.437.049
I. Tài sản cố định	220		32.394.499.245	41.653.687.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	32.394.499.245	41.653.687.436
- Nguyên giá	222		107.268.782.300	109.273.734.536
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(74.874.283.055)	(67.620.047.100)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	17.871.023.301	17.843.891.029
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.128.976.699)	(2.156.108.971)
III. Tài sản dài hạn khác	260		35.754.123	132.858.584
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	35.754.123	132.858.584
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		318.338.361.782	307.805.750.920

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

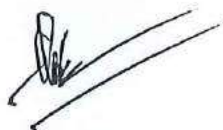
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		233.564.593.727	223.288.282.254
I. Nợ ngắn hạn	310		232.725.569.037	220.873.008.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	94.637.195.027	99.753.713.609
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	22.071.158.315	3.881.552.033
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.466.424.722	368.201.097
4. Phải trả người lao động	314		538.587.710	2.941.162.527
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	179.991.526
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	21.441.869.771	16.052.082.592
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	92.561.770.832	97.687.742.144
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.562.660	8.562.660
II. Nợ dài hạn	330		839.024.690	2.415.274.066
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	839.024.690	2.415.274.066
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.773.768.055	84.517.468.666
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	84.773.768.055	84.517.468.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.782.887.866	2.526.588.477
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.526.588.477	1.315.392.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		256.299.389	1.211.196.146
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		318.338.361.782	307.805.750.920

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66.374.732.422	280.010.096.863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	66.374.732.422	280.010.096.863
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	52.941.783.169	262.105.300.503
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.432.949.253	17.904.796.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.372.660	45.900.795
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.533.345.623	8.017.602.526
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.560.477.895	8.055.845.166
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	5.229.404.173	6.636.254.596
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(316.427.883)	3.296.840.033
11. Thu nhập khác	31	VI.6	572.727.272	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	2.085.643.887
13. Lợi nhuận khác	40		572.727.272	(2.085.643.887)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		256.299.389	1.211.196.146
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		256.299.389	1.211.196.146

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	256.299.389	1.211.196.146
2. Điều chỉnh cho các khoản		17.206.433.882	20.218.174.472
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	9.259.188.191	10.160.828.854
- Các khoản dự phòng		(27.132.272)	(38.242.640)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(586.099.932)	2.039.743.092
- Chi phí lãi vay	06	8.560.477.895	8.055.845.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.462.733.271	21.429.370.618
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18.648.833.062)	24.917.238.036
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.167.205.190)	(50.789.033.108)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	17.158.523.687	16.173.777.029
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	235.394.557	3.031.167.965
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.740.469.421)	(7.875.853.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.300.143.842	6.886.666.900
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(261.606.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	572.727.272	7.779.363.638
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.357.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	371.000.000	6.186.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.372.660	45.900.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	957.099.932	9.392.657.542
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.040.788.111	174.595.685.412
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.743.008.799)	(187.251.435.263)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(7.988.324.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.702.220.688)	(20.644.074.034)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.444.976.914)	(4.364.749.592)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.461.219.065	7.825.968.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.242.151	3.461.219.065

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Vũ Công Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 76.000.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 19 người

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Khí công nghiệp, khí nén;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Chi tiết: Kinh doanh điện;
- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Chi tiết: Kinh doanh nước;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết: Vận tải khách bằng taxi;

- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác

Chi tiết: Vận tải khách du lịch, Vận tải khách theo hợp đồng, Vận tải khách theo tuyến cố định;

- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết: - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;

- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết: Kinh doanh ô tô;

- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết: Kinh doanh phụ tùng ô tô;

- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ, Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;

- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;

- ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);

- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị

Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;

- ✓ Sản xuất máy chuyên dụng khác

Chi tiết: - Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng;

- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chi tiết: Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí;

- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng;

- ✓ Xây dựng công trình công ích

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2020, Văn phòng Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Công ty Con: Tại thời điểm ngày 31/12/2020, Công ty có một (01) Công ty như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Licogi 166	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh khai thác đá

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá

công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn

sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phân ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;

- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hoá chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020		01/01/2020	
Tiền mặt tại quỹ		1.015.632		1.015.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		15.226.519		3.460.203.433
Cộng		16.242.151		3.461.219.065

2 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 12 tháng	-	-	371.000.000	371.000.000
Cộng	-	-	371.000.000	371.000.000

3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
a) Phải thu khách hàng		38.571.296.668		32.735.412.415
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn		1.742.687.793		1.938.716.753
- Công ty CP Vinaconex 25 - CN Đà Nẵng		274.289.092		274.289.092
- Công ty Cổ phần Licogi 13		4.844.400.000		-
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng quận Nam Từ Liêm		3.030.725.000		12.152.782.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn		5.271.667.402		-
- Công ty cổ phần đầu tư thương mại xây dựng điện 6		268.259.470		374.723.500
- Công ty cổ phần BOT Biên Cương		13.400.888.538		14.208.282.977
- Các khách hàng khác		9.738.379.373		3.786.618.093
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		-		-
Cộng		38.571.296.668		32.735.412.415

4 . Trả trước người bán ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
a) Trả trước cho người bán		12.341.397.618		12.197.703.667
- Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh		8.181.045.238		8.181.045.238
- Trả trước cho người bán khác		4.160.352.380		4.016.658.429
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		50.457.255.843		42.489.537.599
- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166		50.457.255.843		42.489.537.599
Cộng		62.798.653.461		54.687.241.266

5 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	693.360.268	-	719.682.223	-
Tạm ứng	13.380.952.223	-	8.076.450.066	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.134.581.973	-	1.196.323.348	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	-	-	4.460.359	-
Cộng	15.208.894.464	-	9.996.915.996	-

6 . Nợ xấu	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)
+ Công ty CP Licogi 13- XD và KT công trình	74.380.174	(52.066.122)	74.380.174	(52.066.122)
+ CN Khai thác khoáng sản PVC Thanh Hóa	234.244.500	(234.244.500)	234.244.500	(234.244.500)
+ Công ty CP ĐTTM Xây dựng Điện 6	368.735.181	(184.367.591)	368.735.181	(184.367.591)
Cộng	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)

7 . Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.334.999	-	4.391.496	-
Công cụ, dụng cụ	39.562.842	-	32.015.842	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	151.801.515.778	-	146.641.801.091	-
Cộng	151.845.413.619	-	146.678.208.429	-

8 . Chi phí trả trước	31/12/2020	01/01/2020
	a, Ngắn hạn	67.262.963
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	1.935.289
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	67.262.963	203.617.770
b, Dài hạn	35.754.123	132.858.584
Chi phí trả trước dài hạn khác	35.754.123	132.858.584
Cộng	103.017.086	338.411.643

9 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	8.554.256.647	80.417.741.485	20.097.861.859	203.874.545	109.273.734.536
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
Số dư cuối năm	8.554.256.647	80.417.741.485	18.092.909.623	203.874.545	107.268.782.300
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.613.961.018	52.872.128.977	11.986.363.755	147.593.350	67.620.047.100
Số tăng trong năm	342.170.268	7.188.854.457	1.699.882.284	28.281.182	9.259.188.191
<i>Khấu hao trong năm</i>	342.170.268	7.188.854.457	1.699.882.284	28.281.182	9.259.188.191
Số giảm trong năm	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
Số dư cuối năm	2.956.131.286	60.060.983.434	11.681.293.803	175.874.532	74.874.283.055
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	5.940.295.629	27.545.612.508	8.111.498.104	56.281.195	41.653.687.436
Tại ngày cuối năm	5.598.125.361	20.356.758.051	6.411.615.820	28.000.013	32.394.499.245

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 32.268.777.771

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 35.109.213.790

10 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	20.000.000.000	(2.128.976.699)	17.871.023.301	20.000.000.000	(2.156.108.971)	17.843.891.029
<i>Công ty TNHH MTV</i>						
+ <i>Vật liệu Xây dựng</i>	20.000.000.000	(2.128.976.699)	17.871.023.301	20.000.000.000	(2.156.108.971)	17.843.891.029
<i>Licogi 166</i>						

11 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	94.637.195.027	94.637.195.027	99.753.713.609	99.753.713.609
- <i>Cty CP Xây Lắp Thủy sản Việt Nam - CN Đà Nẵng</i>	326.931.000	326.931.000	326.931.000	326.931.000
- <i>Công ty cổ phần JITTA</i>	4.109.862.200	4.109.862.200	4.129.862.200	4.129.862.200
- <i>Công ty TNHH MTV XD và VT Sơn Hà</i>	4.157.719.199	4.157.719.199	4.127.434.425	4.127.434.425
- <i>Công ty TNHH SM TM Xây dựng TPA</i>	812.309.750	812.309.750	882.309.750	882.309.750
- <i>Công ty cổ phần Nhật Nam</i>	2.247.873.069	2.247.873.069	2.297.873.069	2.297.873.069
- <i>CN Công ty TNHH TM và DV Phú Hưng tại HN</i>	4.118.089.879	4.118.089.879	4.138.089.879	4.138.089.879
- <i>Công ty Cổ phần Licogi 13</i>	-	-	895.540.412	895.540.412
- <i>Công ty Cổ phần Licogi 16</i>	14.674.485.309	14.674.485.309	17.500.485.096	17.500.485.096
- <i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	64.189.924.621	64.189.924.621	65.455.187.778	65.455.187.778
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	94.637.195.027	94.637.195.027	99.753.713.609	99.753.713.609

12 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
- Công ty cổ phần BOT Bắc giang Lạng sơn	-	24.963.933
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	3.100.024.936
- Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Thuận An	15.687.323.103	-
- Công ty cổ phần quản lý đầu tư và xây dựng Hồng Hà	5.000.000.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.383.835.212	756.563.164
Cộng	22.071.158.315	3.881.552.033

13 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/được bù trừ trong năm	31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	-	6.694.745.971	5.266.573.317	1.428.172.654
Thuế thu nhập cá nhân	368.201.097	41.169.319	371.118.348	38.252.068
Thuế tài nguyên	-	627.313.843	627.313.843	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	368.201.097	7.366.229.133	6.268.005.508	1.466.424.722

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay trích trước	-	179.991.526
Cộng	-	179.991.526

15 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
- Kinh phí công đoàn	531.463.882	493.544.019
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.953.009.580	2.252.425.227
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	16.637.668.082	10.639.443.373
+ Phải trả về cổ tức	-	38.158.600
+ Công ty CP Licogi 16	3.700.000.000	3.703.100.000
+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	55.200.000	644.074.520
+ Vay cá nhân	6.221.658.347	2.350.000.000
+ Phải trả phải nộp khác	6.660.809.735	3.904.110.253
- Tạm ứng dư Có	1.317.718.232	2.666.669.973
- Phải thu khác dư Có	2.009.995	-
Cộng	21.441.869.771	16.052.082.592

16 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2020
16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	92.561.770.832	38.617.037.487	43.743.008.799	97.687.742.144
a, Vay ngắn hạn	92.242.345.992	37.040.788.111	42.486.184.263	97.687.742.144
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)</i>	<i>84.109.421.010</i>	<i>37.040.788.111</i>	<i>37.919.109.245</i>	<i>84.987.742.144</i>
<i>Ngân hàng Viettin bank Thành An (2)</i>	<i>8.132.924.982</i>	<i>-</i>	<i>4.567.075.018</i>	<i>12.700.000.000</i>
b, Vay dài hạn đến hạn trả	319.424.840	1.576.249.376	1.256.824.536	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (3)</i>	<i>-</i>	<i>281.250.000</i>	<i>281.250.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Bà Triệu (4)</i>	<i>319.424.840</i>	<i>1.294.999.376</i>	<i>975.574.536</i>	<i>-</i>
16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	839.024.690	-	1.576.249.376	2.415.274.066
a, Vay dài hạn	839.024.690	-	1.576.249.376	2.415.274.066
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (3)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>281.250.000</i>	<i>281.250.000</i>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Bà Triệu (4)</i>	<i>839.024.690</i>	<i>-</i>	<i>1.294.999.376</i>	<i>2.134.024.066</i>
16.3 Số có khả năng trả nợ	93.400.795.522			100.103.016.210
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	92.561.770.832	-	-	97.687.742.144
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	839.024.690	-	-	2.415.274.066

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/1672957/HĐTĐ ngày 14/10/2019. Hạn mức tín dụng: 145.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay từng lần của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 1209/2019-HĐCVTL/NHCT320-LICOGI166. Tổng giá trị cho vay không vượt quá 20.000.000.000 đồng nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua đá cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166 theo Hợp đồng mua bán đá xây dựng số 20.6/2019/HĐMB ngày 20/06/2019 và Hợp đồng mua bán đá xây dựng số 0104/2019/HĐMB. Thời hạn cho vay là 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân Khoản nợ đầu tiên (thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký hợp đồng này cho đến hết ngày 31/12/2019). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số 02/1672957/2015/HĐTĐTH ngày 29/12/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 8.725.000.000đ. Mục đích vay: thanh toán tiền đầu tư Dự án: "Đầu tư máy công trình và phương tiện vận tải bao gồm 4 ô tô tải 3 chân, 1 máy đào bánh lốp, 4 máy lu rung. Thời hạn vay 48 tháng, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án.

(4) Khoản vay theo hợp đồng số 15083.18.076.1190032.TD ngày 11/5/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, số tiền cho vay: 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Cho vay bù đắp tiền mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC biển kiểm soát 29C-87.84, 29C-788.87, 29C-788.68 theo hợp đồng mua bán số 56/SV-LCG/HĐMB 2017 ký ngày 28/9/2017 giữa khách hàng với công ty CP Xuất nhập khẩu máy Sao Việt. Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 3 xe ô tô biển kiểm soát 29C-87.84, 29C-788.87, 29C-788.68 với tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa là 70%. Khế ước nhận nợ số LD1813405109 ngày 14/5/2018, số tiền giải ngân 1.900.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Cho vay bù đắp tiền mua 3 xe ô tô tải tự đổ, thời hạn vay kể từ ngày 15/5/2018 đến ngày 14/11/2021, lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 10%/năm, biên độ lãi suất 2,8%/năm.

17 . Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư 01/01/2019	76.000.000.000	-	5.990.880.189	1.315.392.331	83.306.272.520
Tăng vốn trong năm	-	-	-	1.211.196.146	1.211.196.146
Lãi trong năm	-	-	-	1.211.196.146	1.211.196.146
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.526.588.477	84.517.468.666
Số dư 01/01/2020	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.526.588.477	84.517.468.666
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	256.299.389	256.299.389
Lỗ trong năm	-	-	-	256.299.389	256.299.389
Số dư 31/12/2020	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.782.887.866	84.773.768.055

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	76.000.000.000	76.000.000.000
Cộng	76.000.000.000	76.000.000.000

17.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	76.000.000.000	76.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	76.000.000.000	76.000.000.000

17.4. Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	55.732.253.758	238.883.059.651
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	10.642.478.664	41.127.037.212
Cộng	66.374.732.422	280.010.096.863
2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	55.732.253.758	238.883.059.651
- Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	10.642.478.664	41.127.037.212
Cộng	66.374.732.422	280.010.096.863
3 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	42.653.989.251	221.779.995.121
- Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ	10.287.793.918	40.325.305.382
Cộng	52.941.783.169	262.105.300.503
4 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.372.660	45.900.795
Cộng	13.372.660	45.900.795
5 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	8.560.477.895	8.055.845.166
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(27.132.272)	(38.242.640)
Cộng	8.533.345.623	8.017.602.526

	Năm nay	Năm trước
6 . Thu nhập khác		
- Thanh lý tài sản cố định	572.727.272	-
Trong đó		
+ Thu thanh lý tài sản cố định	572.727.272	-
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	-
Cộng	572.727.272	-
7 . Chi phí khác		
- Thanh lý tài sản cố định	-	2.085.643.887
Trong đó		
+ Thu thanh lý tài sản cố định	-	7.636.363.638
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	9.722.007.525
Cộng	-	2.085.643.887
8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.304.180.954	4.255.026.527
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.925.223.219	2.381.228.069
Cộng	5.229.404.173	6.636.254.596
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	256.299.389	1.211.196.146
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
a.1 Các khoản điều chỉnh tăng		
a.2 Các khoản điều chỉnh giảm	256.299.389	1.211.196.146
+ Bù lỗ năm trước	256.299.389	1.211.196.146
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(a.1)-(a.2)	-	-
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-
11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.795.557.532	53.396.951.605
Chi phí nhân công	7.111.995.175	8.623.169.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.259.188.191	10.160.828.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.104.218.494	239.477.757.726
Chi phí khác bằng tiền	3.215.342.716	8.557.706.145
Cộng	63.486.302.108	320.216.413.333

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Hà Tĩnh	Công ty con

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
	a, Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	-	7.237.735.489
	b, Mua đá, tài sản cố định, thuê máy, thuê thiết bị, thí nghiệm công trình		
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	-	17.898.044.164

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2020:

TT	Các bên liên quan	31/12/2020	01/01/2020
	a, Trả trước cho người bán ngắn hạn		
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	50.457.255.843	42.489.537.599
	Cộng	50.457.255.843	42.489.537.599

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2020:

TT	Bộ phận	Thu nhập
	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	520.549.688
	Cộng	520.549.688

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6 . Thông tin so sánh

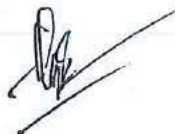
Số liệu so sánh số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



Tổng Giám đốc

Vũ Công Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10-29

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Phí Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông: Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông: Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông: Lê Đình Đáp	Thành viên
Bà : Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020
TM. Ban Tổng Giám đốc
CỔ PHÂN
LICOGI 166
Vũ Công Hưng



Số : 345b/BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 166**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 31/03/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN BẢO TRUNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHNKT số: 0373-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2021

ĐỖ THỊ DUYÊN
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHNKT số: 3642-2021-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		282.506.914.313	253.659.986.647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	47.753.467	3.476.240.753
1. Tiền	111		47.753.467	3.476.240.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	371.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	371.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.429.096.778	55.376.875.489
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	40.658.568.888	33.324.453.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	21.013.376.709	12.458.663.717
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	15.227.829.394	10.064.436.496
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(470.678.213)	(470.678.213)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	204.969.517.711	192.141.054.926
1. Hàng tồn kho	141		204.969.517.711	192.141.054.926
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.060.546.357	2.294.815.479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	133.029.960	205.553.059
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		927.516.397	2.089.262.420
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.043.198.998	59.059.208.396
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.058.860.000	1.058.860.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.058.860.000	1.058.860.000
II. Tài sản cố định	220		41.607.510.958	53.366.699.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	41.607.510.958	53.366.699.145
- Nguyên giá	222		127.268.782.300	129.273.734.536
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(85.661.271.342)	(75.907.035.391)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.376.828.040	4.633.649.251
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	3.376.828.040	4.633.649.251
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		328.550.113.311	312.719.195.043

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		243.776.345.256	228.201.726.377
I. Nợ ngắn hạn	310		242.937.320.566	225.786.452.311
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	95.490.157.053	101.132.837.931
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	22.190.138.726	4.510.161.073
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.283.936.486	896.989.560
4. Phải trả người lao động	314		1.132.834.550	4.018.862.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	6.578.661.589	179.991.526
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	22.691.258.670	17.351.305.234
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	92.561.770.832	97.687.742.144
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.562.660	8.562.660
II. Nợ dài hạn	330		839.024.690	2.415.274.066
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	839.024.690	2.415.274.066
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.773.768.055	84.517.468.666
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	84.773.768.055	84.517.468.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.782.887.866	2.526.588.477
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.526.588.477	1.315.392.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		256.299.389	1.211.196.146
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		328.550.113.311	312.719.195.043

Người lập biểu

Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng

Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.028.526.399	275.527.699.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	79.028.526.399	275.527.699.776
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	65.004.168.546	257.113.348.749
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.024.357.853	18.414.351.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.518.399	46.114.348
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.560.477.895	8.055.845.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.560.477.895	8.055.845.166
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.793.826.240	7.107.780.176
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(316.427.883)	3.296.840.033
12. Thu nhập khác	31	VI.7	572.727.272	
13. Chi phí khác	32	VI.8		2.085.643.887
14. Lợi nhuận khác	40		572.727.272	(2.085.643.887)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		256.299.389	1.211.196.146
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		256.299.389	1.211.196.146
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		256.299.389	1.211.196.146
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	34	159
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	34	159

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	256.299.389	1.211.196.146
2. Điều chỉnh cho các khoản		19.733.420.411	22.756.203.555
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	11.759.188.187	12.660.828.850
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(586.245.671)	2.039.529.539
- Chi phí lãi vay	06	8.560.477.895	8.055.845.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.989.719.800	23.967.399.701
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.890.475.266)	36.750.600.455
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.828.462.785)	(66.178.102.570)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	22.456.831.093	16.311.618.000
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.329.344.310	3.910.500.099
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.740.469.421)	(7.875.853.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.316.487.731	6.886.162.045
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(261.606.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	572.727.272	7.779.363.638
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.357.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	371.000.000	6.186.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.518.399	46.114.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	957.245.671	9.392.871.095
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.040.788.111	174.595.685.412
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.743.008.799)	(187.251.435.263)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(7.988.324.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.702.220.688)	(20.644.074.034)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.428.487.286)	(4.365.040.894)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.476.240.753	7.841.281.647
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.753.467	3.476.240.753

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 13 ngày 22/03/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 76.000.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 19 người

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Khí công nghiệp, khí nén;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Chi tiết: Kinh doanh điện;
- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Chi tiết: Kinh doanh nước;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
Chi tiết: Vận tải khách bằng taxi;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác

- Chi tiết: Vận tải khách du lịch, Vận tải khách theo hợp đồng, Vận tải khách theo tuyến cố định;
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
 - ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Kinh doanh ô tô;
 - ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Kinh doanh phụ tùng ô tô;
 - ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ; Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;
 - ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;
 - ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
 - ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị
Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
 - ✓ Sản xuất máy chuyên dụng khác
Chi tiết: Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng;
 - ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
Chi tiết: Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí;
 - ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng;
 - ✓ Xây dựng công trình công ích;
 - ✓ Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2020, Văn phòng Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số các công ty con: 01 công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166

Địa chỉ: Mỏ đá Cúp Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh khai thác đá.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;

- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

20. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền mặt tại quỹ		6.294.604		10.376.495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		41.458.863		3.465.864.258
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)		-		-
Cộng		47.753.467		3.476.240.753
2 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 12 tháng		-	371.000.000	371.000.000
Cộng		-	371.000.000	371.000.000
3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
a, Phải thu khách hàng		40.658.568.888		33.324.453.489
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn		1.742.687.793		1.938.716.753
- Công ty CP Vinaconex 25 - CN Đà Nẵng		274.289.092		274.289.092
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng quận Nam Từ Liêm		3.030.725.000		12.152.782.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn		5.271.667.402		-
- Công ty cổ phần đầu tư thương mại xây dựng điện 6		268.259.470		374.723.500
- Công ty cổ phần BOT Biên Cương		13.400.888.538		14.208.282.977
- Công ty Cổ phần Licogi 13		4.844.400.000		-
- Các khách hàng khác		11.825.651.593		4.375.659.167
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		-		-
Cộng		40.658.568.888		33.324.453.489
4 . Trả trước người bán ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
a, Trả trước cho người bán		21.013.376.709		12.458.663.717
- Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh		8.181.045.238		8.181.045.238
- Trả trước cho người bán khác		12.832.331.471		4.277.618.479
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-		-
Cộng		21.013.376.709		12.458.663.717

5 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a, Phải thu ngắn hạn khác	15.227.829.394	-	10.064.436.496	-
Phải thu khác	696.957.562	-	723.191.110	-
Tạm ứng	13.396.289.859	-	8.140.461.679	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.134.581.973	-	1.196.323.348	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	-	-	4.460.359	-
b, Phải thu dài hạn khác	1.058.860.000	-	1.058.860.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.058.860.000	-	1.058.860.000	-
Cộng	16.286.689.394	-	11.123.296.496	-
6 . Nợ xấu	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)
+ Công ty CP Licogi 13- XD và KT công trình	74.380.174	(52.066.122)	74.380.174	(52.066.122)
+ CN Khai thác khoáng sản PVC Thanh Hóa	234.244.500	(234.244.500)	234.244.500	(234.244.500)
+ Công ty CP ĐTTM Xây dựng điện 6	368.735.181	(184.367.591)	368.735.181	(184.367.591)
Cộng	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)
7 . Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	102.578.837	-	178.002.967	-
Công cụ, dụng cụ	44.062.842	-	41.015.842	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.316.856.315	-	146.641.801.091	-
Thành phẩm	46.002.496.990	-	44.776.712.299	-
Hàng hóa	503.522.727	-	503.522.727	-
Cộng	204.969.517.711	-	192.141.054.926	-
8 . Chi phí trả trước	31/12/2020		01/01/2020	
a, Ngắn hạn	133.029.960		205.553.059	
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-		1.935.289	
Khác	133.029.960		203.617.770	
b, Dài hạn	3.376.828.040		4.633.649.251	
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và tài sản mỏ khác	3.341.073.917		4.500.790.667	
Khác	35.754.123		132.858.584	
Cộng	3.509.858.000		4.839.202.310	

9 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	DCQL	
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	28.554.256.647	80.417.741.485	20.097.861.859	203.874.545	129.273.734.536
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
Số dư cuối năm	28.554.256.647	80.417.741.485	18.092.909.623	203.874.545	127.268.782.300
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.900.949.309	52.872.128.977	11.986.363.755	147.593.350	75.907.035.391
Số tăng trong năm	2.842.170.264	7.188.854.457	1.699.882.284	28.281.182	11.759.188.187
<i>Khấu hao trong năm</i>	2.842.170.264	7.188.854.457	1.699.882.284	28.281.182	11.759.188.187
Số giảm trong năm	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.004.952.236	-	2.004.952.236
Số dư cuối năm	13.743.119.573	60.060.983.434	11.681.293.803	175.874.532	85.661.271.342
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	17.653.307.338	27.545.612.508	8.111.498.104	56.281.195	53.366.699.145
Tại ngày cuối năm	14.811.137.074	20.356.758.051	6.411.615.820	28.000.013	41.607.510.958

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 32.268.777.771

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 35.109.213.790

10 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	95.490.157.053	95.490.157.053	101.132.837.931	101.132.837.931
- Cty CP Xây Lắp Thủy sản Việt Nam - CN Đà Nẵng	326.931.000	326.931.000	326.931.000	326.931.000
- Công ty cổ phần JITTA	4.109.862.200	4.109.862.200	4.129.862.200	4.129.862.200
- Công ty TNHH MTV XD và VT Sơn Hà	4.157.719.199	4.157.719.199	4.127.434.425	4.127.434.425
- Công ty CP XD và TM Đại Thành	121.241.186	121.241.186	151.241.186	151.241.186
- Công ty TNHH SM TM Xây dựng TPA	812.309.750	812.309.750	882.309.750	882.309.750
- Công ty TNHH Nền móng xây dựng Nam Việt Lo	-	-	128.623.870	128.623.870
- Công ty cổ phần Nhật Nam	2.247.873.069	2.247.873.069	2.297.873.069	2.297.873.069
- CN Công ty TNHH TM và DV Phú Hưng tại HN	4.118.089.879	4.118.089.879	4.138.089.879	4.138.089.879
- Công ty Cổ phần Licogi 16	14.674.485.309	14.674.485.309	17.500.485.096	17.500.485.096
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	-	895.540.412	895.540.412
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	64.921.645.461	64.921.645.461	66.554.447.044	66.554.447.044
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	95.490.157.053	95.490.157.053	101.132.837.931	101.132.837.931

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

11 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
- Công ty cổ phần BOT Bắc giang Lạng sơn	-	24.963.933
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	3.100.024.936
- Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Thuận An	15.687.323.103	-
- Công ty cổ phần quản lý đầu tư và xây dựng Hồng Hà	5.000.000.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.502.815.623	1.385.172.204
Cộng	22.190.138.726	4.510.161.073

12 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	-	7.919.983.169	6.491.810.515	1.428.172.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	463.204.815	66.819.614	390.675.291	139.349.138
Thuế tài nguyên	285.807.625	1.051.044.715	907.313.843	429.538.497
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	4.819.514	4.819.514	-
Các loại thuế khác	147.977.120	167.422.298	28.523.221	286.876.197
Cộng	896.989.560	9.216.089.310	7.829.142.384	2.283.936.486

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay trích trước	-	179.991.526
Chi phí phải trả khác	6.578.661.589	-
Cộng	6.578.661.589	179.991.526

14 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
- Kinh phí công đoàn	536.191.202	498.271.339
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.525.673.319	2.705.568.843
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	16.940.244.449	11.239.033.491
+ Phải trả về cổ tức	-	38.158.600
+ Công ty CP Licogi 16	3.700.000.000	3.703.100.000
+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	55.200.000	644.074.520
+ Vay cá nhân	6.221.658.347	2.350.000.000
+ Phải trả phải nộp khác	6.963.386.102	4.503.700.371
- Tạm ứng dư Có	1.687.139.705	2.908.431.561
- Phải thu khác dư Có	2.009.995	-
Cộng	22.691.258.670	17.351.305.234

15 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2020
15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	92.561.770.832	38.617.037.487	43.743.008.799	97.687.742.144
a, Vay ngắn hạn	92.242.345.992	37.040.788.111	42.486.184.263	97.687.742.144
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	84.109.421.010	37.040.788.111	37.919.109.245	84.987.742.144
Ngân hàng Viettin bank Thành An (2)	8.132.924.982	-	4.567.075.018	12.700.000.000
b, Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.576.249.376	1.256.824.536	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (3)	-	281.250.000	281.250.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Bà Triệu (4)	319.424.840	1.294.999.376	975.574.536	-
15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	839.024.690	-	1.576.249.376	2.415.274.066
a, Vay dài hạn	839.024.690	-	1.576.249.376	2.415.274.066
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (3)	-	-	281.250.000	281.250.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Bà Triệu (4)	839.024.690	-	1.294.999.376	2.134.024.066
15.3 Số có khả năng trả nợ	93.400.795.522			100.103.016.210
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	92.561.770.832	-	-	97.687.742.144
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	839.024.690	-	-	2.415.274.066

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/1672957/HĐTD ngày 14/10/2019. Hạn mức tín dụng: 145.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay từng lần của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 1209/2019-HDCVTL/NHCT320-LICOGI166. Tổng giá trị cho vay không vượt quá 20.000.000.000 đồng nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua đá cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166 theo Hợp đồng mua bán đá xây dựng số 20.6/2019/HĐMB ngày 20/06/2019 và Hợp đồng mua bán đá xây dựng số 0104/2019/HĐMB. Thời hạn cho vay là 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân Khoản nợ đầu tiên (thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký hợp đồng này cho đến hết ngày 31/12/2019). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số 02/1672957/2015/HĐTDTH ngày 29/12/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 8.725.000.000đ. Mục đích vay: thanh toán tiền đầu tư Dự án: "Đầu tư máy công trình và phương tiện vận tải bao gồm 4 ô tô tải 3 chân, 1 máy đào bánh lốp, 4 máy lu rung. Thời hạn vay 48 tháng, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án.

(4) Khoản vay theo hợp đồng số 15083.18.076.1190032.TD ngày 11/5/2018 của ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, số tiền cho vay: 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Cho vay bù đắp tiền mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC biển kiểm soát 29C-87.84, 29C-788.87, 29C-788.68 theo hợp đồng mua bán số 56/SV-LCG/HĐMB 2017 ký ngày 28/9/2017 giữa khách hàng với công ty CP Xuất nhập khẩu máy Sao Việt. Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 3 xe ô tô biển kiểm soát 29C-87.84, 29C-788.87, 29C-788.68 với tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa là 70%. Khế ước nhận nợ số LD1813405109 ngày 14/5/2018, số tiền giải ngân 1.900.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Cho vay bù đắp tiền mua 3 xe ô tô tải tự đổ, thời hạn vay kể từ ngày 15/5/2018 đến ngày 14/11/2021, lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 10%/năm, biên độ lãi suất 2,8%/năm.

16 . Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư 01/01/2019	76.000.000.000	-	5.990.880.189	1.315.392.331	83.306.272.520
Tăng vốn trong năm	-	-	-	1.211.196.146	1.211.196.146
Lãi trong năm	-	-	-	1.211.196.146	1.211.196.146
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.526.588.477	84.517.468.666
Số dư 01/01/2020	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.526.588.477	84.517.468.666
Tăng vốn trong năm	-	-	-	256.299.389	256.299.389
Lãi trong năm	-	-	-	256.299.389	256.299.389
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2020	76.000.000.000	-	5.990.880.189	2.782.887.866	84.773.768.055

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Cổ đông khác	76.000.000.000	76.000.000.000
Cộng	76.000.000.000	76.000.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	76.000.000.000	76.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	76.000.000.000	76.000.000.000

	31/12/2020	01/01/2020
16.4. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
16.5. Các quỹ của doanh nghiệp:	31/12/2020	01/01/2020
- Quỹ đầu tư phát triển	5.990.880.189	5.990.880.189

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	55.732.253.758	238.883.059.651
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	23.296.272.641	36.644.640.125
Cộng	79.028.526.399	275.527.699.776
2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	55.732.253.758	238.883.059.651
- Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	23.296.272.641	36.644.640.125
Cộng	79.028.526.399	275.527.699.776
3 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	42.653.989.251	221.779.995.121
- Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ	22.350.179.295	35.333.353.628
Cộng	65.004.168.546	257.113.348.749
4 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.518.399	46.114.348
Cộng	13.518.399	46.114.348

	Năm nay	Năm trước
5 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	8.560.477.895	8.055.845.166
Cộng	8.560.477.895	8.055.845.166
6 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.535.273.795	4.543.635.255
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.258.552.445	2.564.144.921
Cộng	5.793.826.240	7.107.780.176
7 . Thu nhập khác		
- Thanh lý tài sản cố định	572.727.272	-
Trong đó		
+ Thu thanh lý tài sản cố định	572.727.272	-
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	-
Cộng	572.727.272	-
8 . Chi phí khác		
- Thanh lý tài sản cố định	-	2.085.643.887
Trong đó		
+ Thu thanh lý tài sản cố định	-	7.636.363.638
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	9.722.007.525
- Các khoản truy thu, phạt thuế	-	-
Cộng	-	2.085.643.887
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	256.299.389	1.211.196.146
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	256.299.389	1.211.196.146
+ Bù lỗ năm trước	256.299.389	1.211.196.146
c. Thu nhập tính thuế TNDN (a)+(b)	-	-
d. Thuế TNDN	-	-
10 . Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	256.299.389	1.211.196.146
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	7.600.000	7.600.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	34	159

11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.969.190.868	53.919.814.358
Chi phí nhân công	10.212.949.059	12.645.773.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.759.188.187	12.660.828.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.417.677.047	242.431.904.135
Chi phí khác bằng tiền	5.339.829.540	8.740.910.483
Cộng	83.698.834.701	330.399.231.495

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc 2020:

TT	Bộ phận	Thu nhập
	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	520.549.688
	Cộng	520.549.688

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Vũ Thị Hằng

Kế toán trưởng



Hà Thị Huê

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo hoạt động năm 2020 của HĐQT, Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT



PHÍ NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán độc lập

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán độc lập.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo hoạt động của Tiểu ban kiểm toán độc lập.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT



PHÍ NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHÍ NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021
của Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Công ty đã tiến hành chi trả thù lao đối với HĐQT, như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số tiền	Ghi chú
1	Phí Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000 VNĐ	
2	Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	36.000.000 VNĐ	
3	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	36.000.000 VNĐ	
4	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	36.000.000 VNĐ	
5	Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	36.000.000 VNĐ	
	Tổng		204.000.000 VNĐ	

Căn cứ kế hoạch sản xuất sản xuất kinh doanh năm 2021, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021, mức chi bằng với năm 2020, cụ thể như sau:

- Mức 5 triệu VNĐ/tháng đối với Chủ tịch HĐQT; 3 triệu VNĐ/tháng đối với thành viên HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT



PHÍ NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Để đảm bảo công khai minh bạch trong hoạt động quản trị và điều hành Công ty và quyền, lợi ích hợp pháp cho các cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, như sau:

1. Lựa chọn một công ty kiểm toán có năng lực có tên trong Danh sách Công ty kiểm toán được thực hiện kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021.

2. Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, quyết định thời điểm thực hiện kiểm toán để đảm bảo hoạt động của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
LICOGI 166
HÀ NỘI



PHÍ NGỌC ANH

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Licogi 166 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2017;

Căn cứ vào Đơn xin từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 166 của Ông Phí Ngọc Anh;

Căn cứ vào Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 166 của Bà Bùi Thị Nhân Huệ và Ông Lê Đình Đáp;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 đối với ông Phí Ngọc Anh.
2. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 đối với Ông Lê Đình Đáp và Bà Bùi Thị Nhân Huệ.
(Kèm theo đơn xin từ nhiệm của các cá nhân)
3. Thông qua việc bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHÍ NGỌC ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Licogi 166
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166

Tên tôi là: Phí Ngọc Anh Sinh ngày: 10/09/1972

CMND: 024613722 Ddo Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 07/03/2007

Nơi đăng ký HKTT: 113/41B Trần Văn Đàng, P11, Q3, TP Hồ Chí Minh

Được sự tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Licogi 166 phân công tôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 kể từ ngày 15/11/2018.

Nay vì lý do bận công việc cá nhân không sắp xếp được thời gian để đảm nhiệm công việc được phân công.

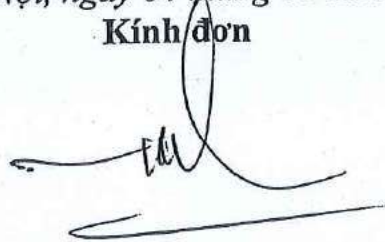
Tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 xin từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 25/06/2021.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 166 chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2021

Kính đơn



PHÍ NGỌC ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi : Ông Chủ tịch HĐQT Công ty LICOGI 166
Đồng kính gửi : Các Thành viên HĐQT

Tên tôi là : Bùi Thị Nhân Huệ

Hiện đang là thành viên độc lập HĐQT Công ty LICOGI 166. Nhiệm kỳ: 2017-2022

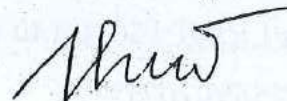
Nay vì lý do Bản công việc cá nhân không sắp xếp được thời gian để đảm nhiệm công việc được phân công .

Tôi làm đơn này kính trình , đề nghị Chủ tịch và các Thành viên HĐQT cho phép tôi được miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT của Công ty trước thời hạn, kể từ ngày 23/3/2020

Kính chúc Chủ tịch cùng toàn thể HĐQT Công ty sức khỏe, thành công và may mắn trong công việc . Chúc Công ty LICOGI 166 ngày càng phát triển thịnh vượng

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Hà nội , ngày 23 tháng 3 năm 2019
Người làm đơn



Bùi Thị Nhân Huệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 166;
– Các thành viên Hội đồng quản trị;

Tên tôi là: Lê Đình Đáp

CMND số: 038 074 000 132, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/3/2015;

Hiện đang là thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Licogi 166, nhiệm kỳ 2017-2021.

Nay do điều kiện thời gian không cho phép, xét thấy không còn đóng góp được gì đáng kể cho HĐQT và Công ty.

Vì vậy, tôi làm đơn này, đề nghị Chủ tịch và HĐQT hoàn tất các thủ tục để tôi được miễn nhiệm HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 166 kể từ ngày 31/7/2020 hoặc thời gian sớm nhất phù hợp Điều lệ Công ty, Quy chế HĐQT và Luật doanh nghiệp.

Tôi cam kết bảo mật toàn bộ thông tin hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tôi tham gia HĐQT.

Kính chúc Chủ tịch HĐQT và các anh/chị sức khỏe, Hạnh phúc! Chúc Công ty ngày càng phát triển!

Trân trọng./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Lê Đình Đáp

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ
Công ty Cổ phần Licogi 166 (thay đổi lần thứ 8)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LICOGI 166

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ vào thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ tài chính quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Licogi 166;

Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166 trình Đại hội cổ đông thông qua phương án sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, như sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

- Để phù hợp với các văn bản pháp luật mới và tình hình hoạt động thực tế của Công ty CP Licogi 166.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ:

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Như kính gửi;

- Lưu HĐQT



PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG
1	<p>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>- Điều lệ của Công ty được xây dựng trên cơ sở điều lệ mẫu được áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012</p>	<p>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.</p> <p>- Điều lệ của Công ty được xây dựng trên cơ sở điều lệ mẫu được áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p>
2	<p>Điều 1 Giải thích thuật ngữ: Không quy định</p>	<p>Điều 1 Giải thích thuật ngữ: Vốn có quyền biểu quyết Cổ đông Cổ đông sáng lập Cổ đông lớn</p>
3	<p>Khoản 6 Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 45 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 47 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm</p>	<p>Bãi bỏ quy định này.</p>
4	<p>Khoản 1 Điều 12 Quyền của Cổ đông</p> <p>Không quy định</p>	<p>- Khoản 1 Điều 12 Quyền của Cổ đông i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông. k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp. - Khoản 3 Điều 11 Quyền của Cổ đông Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: Bỏ quyền đề nghị người vào HĐQT Được quyền Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty. - Khoản 4 Điều 11 Quyền của Cổ đông</p>
	<p>- Khoản 3 Điều 11 Quyền của cổ đông Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sau (06) tháng trở lên có các quyền:</p> <p>- Đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tương ứng tại Khoản 2 điều 24 và điều lệ này.</p>	
	<p>- Không có quy định</p>	

		<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc đề cử người vào Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>
5	<p>Điều 12 Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 12 Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Bổ sung khoản 2 và 4:</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>
6	<p>- Khoản 1 Điều 13 Đại hội cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>- Điểm b khoản 3 điều 13 Đại hội cổ đông: HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp:</p> <p>Bảng cân đối tài chính năm, báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.</p>	<p>- Khoản 1 Điều 13 Đại hội cổ đông</p> <p>Bổ sung trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên.</p> <p>- Bãi bỏ quy định này</p>
7	<p>- Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của ĐHCĐ</p>	<p>- Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của ĐHCĐ</p> <p>Bổ sung thêm điểm 1,m:</p> <p>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ. Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</p> <p>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>- Điểm q Khoản 2 Điều 14</p> <p>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy</p>

	những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
8	Khoản 1,2 Điều 15 Các đại diện được ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo pháp luật có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. 2. Văn bản ủy quyền được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định.	Khoản 1,2 Điều 15 Các đại diện được ủy quyền 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. 2. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự
9	Khoản 1 Điều 16 Thay đổi các quyền Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Khoản 1 Điều 16 Thay đổi các quyền Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
10	- Điểm a Khoản 2 Điều 17 Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng chậm nhất 30 ngày trước ngày bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. - Khoản 3 Điều 17 Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	- Điểm a Khoản 2 Điều 17 Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. - Khoản 3 Điều 17 Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông
11	Khoản 1 Điều 18 Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ Đại hội đồng được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	Khoản 1 Điều 18 Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ Đại hội đồng được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% cổ phần có quyền biểu quyết
12	- Khoản 2 điều 21 Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	- Khoản 2 điều 21 Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

<p>- Khoản 8 Điều 21 Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.</p>	<p>- Khoản 8 Điều 21 Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>13</p> <p>Điều 22 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Biên bản họp ĐHCĐ phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký</p>	<p>Điều 1 Khoản 1 Điều 22 Nghị quyết, Biên bản họp ĐHCĐ:</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định.</p>
<p>14</p> <p>Điều 24 Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.</p>	<p>Điều 24 Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định điểm b Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này.</p>
<p>15</p> <p>Khoản 1 Điều 24 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>- Số lượng thành viên HĐQT ít nhất 5 người và nhiều nhất 11 người</p> <p>Khoản 1 điều 24 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất 20% trên tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Khoản 1 Điều 25 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>- Số lượng thành viên HĐQT ít nhất 3 người và nhiều nhất 11 người.</p> <p>Khoản 3 điều 24 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>
<p>16</p> <p>Điều 25 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>Không quy định</p>	<p>Khoản 2 điều 26 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm với Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thư ký công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</p> <p>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế</p>

		<p>nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng có đồng thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.</p> <p>s. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</p>
17	Trước đây không quy định	<p>Bổ sung điều 27: Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>
18	<p>Khoản 1 Điều 26 Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>- Việc chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHCĐ thường niên</p>	<p>Khoản 2 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>- Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc</p>
	Trước đây không quy định	<p>Khoản 5 Điều 28 Chủ tịch hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>
19	<p>Khoản 7 điều 27 Các cuộc họp HĐQT</p> <p>- Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất (05) ngày làm việc trước ngày họp.</p>	<p>Khoản 6 Điều 29 Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03) ngày làm việc trước ngày họp.</p>
20	Không quy định	Bổ sung điều 30: Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
21	Bổ điều 31: Thư ký Công ty	Bổ sung điều 31: Người phụ trách quản trị công ty
22	Điều 29 Cán bộ quản lý Không quy định	<p>- Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Khoản 4 Điều 33 Người điều hành công ty</p> <p>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>

23	Không có quy định cụ thể	<p>Thêm mục IX Ủy ban kiểm toán trực thuộc hội đồng quản trị</p> <p>Quy định cụ thể từ điều 35 đến điều 39</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 35: Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán - Điều 36: Thành phần Ủy ban kiểm toán - Điều 37: Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán - Điều 38: Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán - Điều 39: Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
24	<p>Khoản 1 điều 35: Quyền điều tra sổ sách, hồ sơ và bảo quản con dấu</p> <p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 điều 24 và Khoản 2 điều 25 Điều lệ này mới có quyền điều tra sổ sách hồ sơ.</p>	<p>Khoản 1 điều 42: Quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ và bảo quản con dấu</p> <p>- Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p>
25	<p>Khoản 7 Điều 33 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p>	<p>Khoản 6 Điều 40 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>

	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
26	<p>Khoản 1 điều 40 Chế độ kế toán - Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ khác được Bộ tài chính chấp thuận.</p>	<p>Khoản 1 điều 47 Chế độ Kế toán - Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p>
27	<p>- Khoản 1 Điều 43 kiểm toán Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. - Khoản 2 điều 43 Kiểm toán Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>- Khoản 1 Điều 50 Kiểm toán Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty - Bãi bỏ quy định này</p>
28	<p>Điều 47 Gia hạn hoạt động HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời gian hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị HĐQT Thời gian hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.</p>	<p>Điều 53 Gia hạn hoạt động Bãi bỏ quy định này</p>

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2021

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Nhiệm kỳ 2017 - 2022)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Licogi 166

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017- 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Licogi 166 như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty CP Licogi
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT bổ sung : 03 người
2. Nhiệm kỳ : 2017 - 2022
3. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13) và Điều lệ công ty.

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của

Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

IV. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị.

V. Qui định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo Điều 24 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ:

<https://licogi166.vn>)

- Đơn xin đề cử vào HĐQT *(theo mẫu)*
- Sơ yếu lý lịch ứng viên *(theo mẫu)*
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú *(nếu có)*
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định *(theo mẫu)*
- Người đề cử/ứng cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

- Chi những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 14 giờ, ngày 15/06/2021

Công ty CP Licogi 166

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 222 50 718 - Fax: (84.4) 222 50 716

Liên hệ: Nguyễn Thị Thu Hương – P.TCHC

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung HĐQT.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty*)

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

- Đại biểu có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện.

- Mỗi đại biểu sẽ được phát Phiếu bầu Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu

+ Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì

+ Gạch tên các ứng cử viên

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu

+ Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu

+ Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp)

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Licogi 166 kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu bổ sung Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Licogi 166 Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty CP Licogi 166;
- HĐQT, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.



PHÍ NGỌC ANH



CÔNG TY CP LICOGI 166

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: (84.4) 222 50 718 Fax: (84.4) 222 50 716

Website : <https://licogi166.vn>

GIẤY ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Công ty CP Licogi 166

Tên tôi là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....

Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Tương ứng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Đề nghị Công ty CP Licogi 166 cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty CP Licogi 166.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty CP Licogi 166.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

..., ngày..... tháng năm ...

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CP LICOGI 166

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: (84.4) 222 50 718 Fax: (84.4) 222 50 716

Website : <https://licogi166.vn>

GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Công ty CP Licogi 166

Họ tên cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Hiện đang sở hữu: cổ phần

Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Đề nghị Công ty CP Licogi 166 cho tôi/Công ty tôi đề cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty CP Licogi 166

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

....., ngày..... tháng năm ...

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CP LICOGI 166

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: (84.4) 222 50 718 Fax: (84.4) 222 50 716

Website : <https://licogi166.vn>

BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Licogi 166
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Licogi 166

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty CP Licogi 166, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Sau khi tham khảo quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 như sau:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty CP Licogi 166

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm ...

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)¹

¹Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-o0o-

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần chứng khoán.....

Họ tên chủ tài khoản:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đề nghị Công ty cổ phần xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng năm ...

Chủ tài khoản

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ảnh 4 x 6
(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm Thành viên HĐQT)

1. Họ và tên:.....Giới tính: Nam/Nữ.....
2. Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Cấp ngày...../...../..... Tại.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Số điện thoại liên lạc:.....Email:.....
7. Trình độ văn hoá:.....
8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
9. Chức vụ hiện nay tại Công ty CP Licogi 166 (nếu có):.....
10. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:.....
-
-
-
11. Số CP nắm giữ:, chiếm % vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:.....
+ Cá nhân sở hữu:.....
12. Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....
13. Danh sách người có liên quan của người khai*:



STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty CP Licogi 166 (nếu có)	Mối quan hệ



LICOGI 166

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: LCS.000XXX

Họ và tên Đại biểu: X
Số lượng cổ phần sở hữu: X cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: X cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: X cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Thông qua báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 và Báo cáo hoạt động năm 2020 của HĐQT, Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán độc lập năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 4: Thông qua chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2020 và Kế hoạch cổ tức năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 5: Thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi 166	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 6: Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 7: Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 8: Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty lần thứ 8.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 25 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MÃ ĐẠI BIỂU: LCS.000XXX

Họ và tên Đại biểu: X
Số lượng cổ phần sở hữu: X cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: X cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: X cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: X phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1		<input type="checkbox"/>	
2		<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn:

1. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu, Đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của ứng viên tương ứng.
2. Nếu bầu số phiếu thấp hơn tổng số phiếu bầu, Đại biểu ghi số lượng phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của ứng viên tương ứng.

Ngày 25 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)



LICOGI 166

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU:

LCS.0000XXX

Họ và tên Đại biểu: X

Số lượng cổ phần sở hữu: X cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: X cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: X cổ phần

